

Bản án số: 220/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2024

“*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Nguyễn Mai Đoàn Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1378/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 1551/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Mộng O, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

* ***Bị đơn:*** Anh Đào Văn S, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* ***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Mộng O trình bày:*** Chị và anh Đào Văn S tự nguyện tìm hiểu và tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng tại thôn Đ, xã N. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đào Văn S không có nghề nghiệp ổn định, ăn chơi, cờ bạc nợ nần, xã hội đen nhiều lần đến nhà đòi nợ, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không từ bỏ. Chị xác định không thể chung sống với anh S nên đã đưa con về ở nhà mẹ ruột tại xã N sau đó chuyển đến thôn A, xã B, huyện T; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm gì đến cuộc sống của ai, anh S bỏ mặc con chung cho chị chăm và nuôi dưỡng. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Đào Lê Minh K sinh ngày 15/7/2019 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Đào Văn S trình bày: Anh và chị Lê Thị Mộng O tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ tại thôn Đ, xã N, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đợt dịch Covid năm 2021 anh không có việc làm ổn định, phải vay tiền của tín dụng để xoay sở cuộc sống gia đình, sau đó kinh tế khó khăn không có khả năng trả nợ nên chủ nợ gọi điện đòi nợ, chị O biết nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng. Khoảng giữa năm 2021 chị O dẫn con về nhà mẹ ruột ở xã N sống một thời gian sau thì chuyển lên xã B, huyện T. Sau khi chị O đi thì anh nhiều lần đến nhà chị O thuyết phục chị O về chung sống, cha mẹ vợ cũng cố gắng hòa giải nhưng không được. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh thỉnh thoảng có đến thăm con và phụ giúp chị O tiền nuôi con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Anh xác định vẫn còn tình cảm và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Mộng O. Trường hợp chị O kiên quyết ly hôn và không muốn quay về chung sống với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Đào Lê Minh K sinh ngày 15/7/2019 hiện đang sống với chị O. Ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mộng O được ly

hôn với anh Đào Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Lê Minh K sinh ngày 15/7/2019 cho chị Lê Thị Mộng O tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Mộng O không yêu cầu anh Đào Văn S cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Mộng O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đào Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tiếp tục vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Văn S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng O và anh Đào Văn S tự nguyện chung sống và có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2018 được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa chị O và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn căng thẳng nên chị O đã bỏ về sống với cha mẹ ruột tại xã N, sau đó chuyển đến sống tại xã B, huyện T, cả hai anh chị đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị O xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn với anh S. Ngược lại trong quá trình làm việc, anh Đào Văn S xác định vẫn còn tình cảm và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con nên không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Mộng O. Xét yêu cầu của chị O và anh S thấy rằng chị O và anh S trong thời gian sống ly thân nhưng cả hai không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng, bản thân anh S mong muốn hàn gắn tình cảm với chị O nhưng khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng thì anh S lại vắng mặt không một lần đến Tòa, chứng tỏ anh S không tha thiết và không có thiện chí tiếp tục duy trì hôn nhân với chị O. Mặc dù tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã dành nhiều thời gian phân tích nhưng chị O vẫn kiên quyết thể hiện ý kiến yêu cầu được ly hôn với anh S. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mộng O được ly hôn với anh Đào Văn S.

[2.2] Về con chung: Chị O và anh S xác định vợ chồng có 01 người con tên Đào Lê Minh K sinh ngày 15/7/2019, chị O và anh S cùng có yêu cầu nuôi dưỡng con. Xét yêu cầu của chị O và anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tính đến ngày xét xử thì cháu Đào Lê Minh K chỉ mới hơn 05 tuổi, cháu vẫn còn rất nhỏ nên rất cần

sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, khi vợ chồng sống ly thân, chị O là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con và vẫn đang nuôi dưỡng chăm sóc tốt cháu K, anh S không có chứng cứ chứng minh chị O vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con. Do đó để đảm bảo việc nuôi dưỡng con được ổn định, phát triển tâm sinh lý bình thường nên giao người con Đào Lê Minh K cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Mộng O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mộng O và anh Đào Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Mộng O phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mộng O được ly hôn với anh Đào Văn S.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao người con tên Đào Lê Minh K sinh ngày 15/7/2019 cho chị Lê Thị Mộng O tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi người con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Mộng O không yêu cầu giải quyết.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế

quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mộng O và anh Đào Văn S không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Mộng O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005390 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã Nhơn Lộc
(GCNKH số 87, ngày 20/12/2018)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

